

Bản án số: 218/2017/DS-PT
Ngày: 22-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tòng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Sơn**

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Trần Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2017/TLPT-DS ngày 09-10-2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Chí D**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 36, tổ 34, ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Vương Sơn H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 15 Đường H, Quốc lộ 22B, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-4-2017) (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Ánh H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 27, tổ 6, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Võ Đạt K**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 27, tổ 6, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Chị **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 36, tổ 34, ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị P: Anh **Vương Sơn H**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Số 15 Đường H, Quốc lộ 22B, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh
(Theo văn bản ủy quyền ngày 27-4-2017) (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Huỳnh Ánh H.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngụy Chí D và đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Vương Sơn H trình bày:

Chị P và chị H là chị em ruột với nhau, anh D và chị P có cho chị H mượn tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 25-10-2016, mượn 7.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 30-10-2016, mượn 15.000.000 đồng, hẹn trả sau 15 ngày.
- Ngày 01-11-2016, mượn 10.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 05-11-2016, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 10 ngày.
- Ngày 06-11-2016, mượn 15.000.000 đồng, hẹn trả sau 15 ngày.
- Ngày 10-11-2016, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 10 ngày.
- Ngày 21-01-2017, mượn 25.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 23-01-2017, mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 19-3-2017, mượn 25.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 20-3-2017, mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 21-3-2017, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 27-3-2017, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 30 ngày.
- Ngày 27-3-2017, mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả sau 30 ngày.
- Ngày 28-3-2017, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 30 ngày.
- Ngày 03-4-2017, mượn 7.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 03-4-2017, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 30 ngày.
- Ngày 07-4-2017, mượn 25.000.000 đồng, hẹn trả sau 10 ngày.
- Ngày 09-4-2017, mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả sau 10 ngày.

- Ngày 09-4-2017, mượn 12.000.000 đồng, hẹn trả sau 20 ngày.
- Ngày 09-4-2017, mượn 15.000.000 đồng, hẹn trả sau 30 ngày.

Ngoài ra, ngày 20-11-2016, vợ chồng chị H anh K có bán cho vợ chồng anh D 01 phần hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 09 người đã lĩnh hui, 13 người chưa lĩnh hui với tổng số tiền 34.900.000 đồng, vợ chồng anh D đã giao đủ tiền, vợ chị H, anh K cam kết đến ngày 20-01-2017 lĩnh hui sẽ giao lại cho anh D tiền lĩnh hui. Ngày 20-02-2017, 20-3-2017, chị H anh K viết giấy cam kết giao tiền hui nhưng đến nay không thực hiện.

Nay anh D yêu cầu chị H và anh K trả lại cho anh D số tiền 308.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09-4-2017 đến ngày khởi kiện là 15.000.000 đồng và số tiền mua bán hui là 34.900.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20-11-2016 đến ngày khởi kiện là 5.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của chị H: anh D, chị P thừa nhận có vay của chị H số tiền như chị H trình bày nhưng khi đến hạn chị P có giao số tiền 30.000.000 đồng cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Đ trả cho chị H xong. Khi trả tiền, hai bên không có làm giấy tờ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Huỳnh Ánh H trình bày:

Chị thừa nhận có mượn tiền của vợ chồng anh D, chị P 20 lần tổng cộng số tiền 308.000.000 đồng, chữ ký trong 20 giấy mượn tiền là chữ ký của chị. Đối với các giấy mượn tiền ngày 25-10-2016 đến ngày 09-4-2017 chị đã trả xong cho vợ chồng anh D chị P nhưng chị P không hủy giấy nợ.

Đối với số tiền 12.000.000 đồng mượn ngày 27-3-2017 là tiền góp, góp 05 ngày/lần = 2.400.000 đồng, chị đã góp được 9.600.000 đồng, còn nợ lại 2.400.000 đồng. Chị đồng ý trả 2.400.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 12.000.000 đồng.

Số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 27-3-2017 là tiền góp, góp 05 ngày/lần = 4.000.000 đồng, chị đã góp được 20.000.000 đồng, không còn nợ gốc. Chị đồng ý trả tiền lãi trên số tiền 20.000.000 đồng.

Số tiền 12.000.000 đồng mượn ngày 28-3-2017 là tiền góp, góp 05 lần/ngày = 2.400.000 đồng, chị đã góp được 12.000.000 đồng, không còn nợ gốc. Chị đồng ý trả tiền lãi trên số tiền 12.000.000 đồng.

Số tiền 15.000.000 đồng mượn ngày 09-4-2017 là tiền góp, góp 05 lần/ngày = 3.000.000 đồng, chị đã góp được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 3.000.000 đồng. Chị đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 3.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền góp và tiền lãi chị còn nợ anh D, chị P là 22.000.000 đồng.

Đối với tiền mua bán hụi: Chị H thừa nhận có bán cho anh D, chị P 01 phần hụi 2.000.000 đồng/tháng như anh D, chị P trình bày. Tuy nhiên, đến ngày 25-4-2017, chị đã đăng hụi cho anh D, chị P số tiền 39.200.000 đồng, chị không còn nợ tiền hụi anh D, chị P, khi đăng hụi không làm giấy tờ gì và không có người làm chứng.

Ngày 29-6-2017, chị H có đơn phản tố cho rằng anh D, chị P có mượn của chị số tiền 30.000.000 đồng, hẹn trả sau 03 tháng (từ 22-5-2015 đến ngày 22-8-2015), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.700.000 đồng/tháng, anh D, chị P trả được 03 tháng với số tiền 8.100.000 đồng thì ngưng cho đến nay không trả. Nay chị yêu cầu anh D, chị P trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng khấu trừ số tiền chị còn nợ anh D, chị P 22.000.000 đồng thì chị yêu cầu anh D, chị P trả cho chị số tiền 8.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Đạt K và người đại diện hợp pháp của anh K là chị Huỳnh Ánh H trình bày:

Anh K ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án, ý kiến của chị H cũng là ý kiến của anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị P và người đại diện hợp pháp của chị P là anh Vương Sơn H trình bày:

Thông nhất lời trình bày của anh Ngụy Chí D.

Tại bản án sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” của anh Ngụy Chí D và chị Huỳnh Thị P đối với chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K.

Chấp nhận yêu cầu phản tố về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K đối với anh Ngụy Chí D và chị Huỳnh Thị P.

Buộc chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K có nghĩa vụ trả cho anh Ngụy Chí D, chị Huỳnh Thị P số tiền 324.495.700 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11-9-2017, chị Huỳnh Ánh H kháng cáo nội dung bản án sơ thẩm buộc chị và anh K trả cho anh D, chị P số tiền 324.495.700 đồng. Chị không đồng ý với lý do các khoản tiền mượn từ ngày 25-10-2016 đến ngày 21-3-2017, chị đã trả cho chị P xong. Sau khi trả xong các khoản tiền trên, ngày 27-3-2017 chị P mới cho chị mượn tiền tiếp. Theo giấy ghi theo dõi việc trả nợ chị chỉ còn nợ chị P số tiền 22.000.000 đồng. Chị kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chị đồng ý trả cho anh D, chị P số tiền 22.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền nợ hui 34.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị H thì thấy rằng:

Về tiền vay: Chị H và anh D đều thống nhất từ ngày 25-10-2016 (nhằm ngày 25-9-2016 AL) đến ngày 09-4-2017 (nhằm ngày 13-3-2017 AL), chị H anh K có vay tiền của anh D, chị P 20 lần, lần vay thấp nhất là 7.000.000 đồng, cao nhất là 25.000.000 đồng, mỗi lần vay đều có ghi “Giấy mượn tiền” và hẹn ngày trả có anh K, chị H ký tên (BL 76-97), tổng cộng 20 lần vay số tiền 308.000.000 đồng. Theo chị H trình bày thì số lần vay từ ngày 25-10-2016 đến ngày 21-3-2017 chị đã trả cho anh D, chị P xong, chị không còn nợ, từ ngày 27-3-2017 chị mới tiếp tục vay nhưng là tiền vay trả góp. Nhưng “Giấy mượn tiền” từ lần vay ngày 25-10-2016 đến ngày 21-3-2017 vẫn do anh D chị P giữ, không thể hiện việc xóa nợ, chị H cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh chị đã trả xong các khoản nợ từ 25-10-2016 đến 21-3-2017 cho anh D, chị P. Các giấy mượn tiền từ ngày 27-3-2017 đến 09-4-2017 không có nội dung trả góp như chị H trình bày mà nội dung ghi thời hạn trả được ấn định từ 10 ngày đến 20 ngày hoặc 01 tháng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị H anh K chưa trả các khoản nợ cho anh D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tiền bán hội: Theo giấy bán hội ngày 20-11-2016 (BL 78) thì chị H và anh K có bán cho anh D, chị P 01 phần hội 2.000.000 đồng/tháng gồm 22 phần, trong đó 09 người đã lĩnh hội, còn lại 13 người chưa lĩnh hội trong đó có chị H, số tiền chị H anh K nhận của chị P anh D là 34.900.000 đồng và cam kết đến ngày 20-01-2017 chị P sẽ được lĩnh phần hội này. Nhưng đến ngày 21-01-2017, chị H anh K làm giấy cam kết đến ngày 20-02-2017 sẽ giao đủ số tiền hội cho chị P anh D (BL77). Đến ngày 25-02-2017 chị H và anh K tiếp tục làm giấy cam kết hẹn đến ngày 20-3-2017 sẽ giao đủ số tiền hội cho chị P (BL 76). Theo chị H trình bày thì ngày 25-4-2017, chị đã giao số tiền hội cho chị P là 39.200.000 đồng nhưng giấy bán hội và 02 tờ cam kết giao tiền hội chị P vẫn lưu giữ, chị H anh K không có chứng cứ khác để chứng minh cho việc giao số tiền hội 39.200.000 đồng cho chị P. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị H anh K còn nợ lại chị P số tiền hội 34.900.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách khách quan, áp dụng đúng pháp luật, quyết định phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên kháng cáo của chị H là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì thấy rằng anh D cho chị H vay lần cuối cùng là ngày 09-4-2017, còn số tiền hội 39.200.000 đồng chị H khai tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị trả vào ngày 25-4-2017 nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nhận định và tuyên án của bản án sơ thẩm:

Bản án sơ thẩm nhận định: *“Như vậy, chị H và anh K có nghĩa vụ trả cho anh D và chị P tổng cộng gốc và lãi là 354.495.700 đồng. Bù trừ nghĩa vụ, chị H và anh K còn phải trả số tiền là 324.495.700 đồng”.*

Phản Quyết định tuyên:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” của anh Nguy Chí D và chị Huỳnh Thị P đối với chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K đối với anh Nguy Chí D và chị Huỳnh Thị P.

Buộc chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K có nghĩa vụ trả cho anh Nguy Chí D, chị Huỳnh Thị P số tiền 324.495.700 đồng.

Kể từ ngày...”, thấy rằng:

Bản án không cần nhận định đối trừ nghĩa vụ, bởi vì Tòa án giải quyết yêu cầu của từng đương sự, việc đối trừ nghĩa vụ giữa các đương sự là khi họ phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Phần tuyên án như trên là không chính xác và không đúng vì không thể hiện việc chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn được giải quyết như thế nào trong phần quyết định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại.

[3] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 256, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Ánh H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” của anh Nguyễn Chí D và chị Huỳnh Thị P đối với chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K.

Buộc chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chí D, chị Huỳnh Thị P số tiền 354.495.700 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của chị Huỳnh Ánh H và anh Võ Đạt K đối với anh Nguyễn Chí D và chị Huỳnh Thị P.

Buộc anh Nguyễn Chí D và chị Huỳnh Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Ánh H, anh Võ Đạt K số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị H và anh K phải chịu 17.725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự mà chị H đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0012329 ngày 05-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị H và anh K còn phải nộp thêm số tiền 16.975.000 đồng.

Anh D, chị P phải chịu 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh D đã nộp là 9.072.500 đồng theo biên lai thu số 0012049 ngày 03-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh D được hoàn trả số tiền 7.572.500 đồng.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012465 ngày 11-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng

